

Bản án số: 40/2020/HS-ST
Ngày 22-4-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Thoa, ông Vũ Ngọc Hân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2020/TLST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2019, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 246/TB-TA ngày 01/4/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Xuân T**, sinh năm 1987 tại huyện V, tỉnh Bắc Giang; tên gọi khác: L; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn X (nay là thôn X), xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con Nguyễn Xuân M sinh năm 1963 và bà Trần Thị B, sinh năm 1965; gia đình có 2 anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1989 và 02 con.

Tiền án: Tại Bản án số 681/2019/HSPT ngày 11/9/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 14 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại Bản án số 17/2009/HSST ngày 28/4/2009, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Tại Bản án số 17/2020/HSST ngày 21/01/2020, Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tổng hợp với hình phạt 14 tháng tù tại Bản án số 681/2019/HSPT ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, buộc chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 26 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 24/11/2019, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 20/02/2019 đến 28/02/2019.

Hiện bị cáo đang thi hành án phạt tù tại Trại giam N, tỉnh Ninh Bình.

(Có mặt tại phiên tòa)

* Bị hại: Anh Hoàng Tiến M, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 172, đường L, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Ngô Văn P, sinh năm 1983, địa chỉ: Số 550, phố M, thị xã T, thành phố N, tỉnh Bắc Ninh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Anh Nguyễn Tự K, sinh năm 1991, địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện C, thành phố Hà Nội. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Xuân T đã hai lần đến Cửa hàng mua bán xe máy H của anh Hoàng Tiến M ở số 172, đường L, phường L, thành phố B, biết anh M sơ hở trong cách mua bán xe máy nên nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt xe máy đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khoảng 15 giờ 20 phút ngày 21/11/2019, T thuê xe taxi biển kiểm soát 30F-619.01 đi từ thành phố Hà Nội về Cửa hàng mua bán xe máy của anh M, lái xe taxi là anh Nguyễn Tự K. Khi gặp anh M, T hỏi mua 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn cam, biển kiểm soát 98B3-XXX có cấm sẵn chìa khóa xe để trong cửa hàng và được anh M báo giá là 14.000.000 đồng. Sau đó T bảo anh M cho xem giấy đăng ký xe để kiểm tra và cho đi thử xe, anh M đồng ý. Lúc này T lên xe mở khóa điện và cất đăng ký xe máy vào túi quần bên trái rồi điều khiển xe máy khỏi cửa hàng sau đó đi thẳng tới Cửa hàng mua bán xe máy P của anh Ngô Văn P ở số 550, phố M, thị xã T, thành phố B tỉnh Bắc Ninh để bán xe với giá 9.000.000 đồng. Khi bán xe, T không nói cho anh P biết đó là xe do phạm tội mà có. Số tiền bán xe có được, T khai đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 21/11/2019, anh Hoàng Tiến M có đơn trình báo Công an thành phố B. Ngày 22/11/2019, Cơ quan điều tra đã cho anh Nguyễn Tự K và anh Hoàng Tiến M nhận dạng. Kết quả anh K và anh M nhận ra Nguyễn Xuân T là người đã chiếm đoạt chiếc xe 98B3-XXX vào ngày 21/11/2019.

Ngày 24/11/2019, Nguyễn Xuân T đi chấp hành hình phạt 14 tháng tù tại Bản án số 681/2019/HS-PT ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Ngày 26/11/2019, anh Ngô Văn P đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B3-XXX; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 154355 mang tên Lê Thị T, sinh năm 1991, địa chỉ M, H, V, Bắc Giang; 01 giấy bán, cho, tặng xe của Nguyễn Xuân T, sinh năm 1987, trú tại xã H, V, Bắc Giang chiếc xe mô tô 98B3-XXX cho anh Ngô Văn P. Quá trình điều tra xác định được bà

Lê Thị T đã bán chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B3-XXX cho anh Hoàng Tiến M theo giấy bán xe ngày 10/2/2019.

Tại Kết luận giám định số 2043/KL- KTHS ngày 20/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: Chữ ký, chữ viết dưới mục “Bên bán, cho tặng” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Xuân T trên các tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký, viết ra.

Tại Kết luận định giá tài sản số 172/KL-HĐĐG ngày 25/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave α , màu sơn cam, có biển kiểm soát 98B3-XXX, xe đã qua sử dụng, có trị giá 10.000.000 đồng.

Ngày 08/01/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho anh Hoàng Tiến M. Đến nay anh M không có yêu cầu đề nghị bồi thường dân sự.

Tại bản cáo trạng số 31/CT-VKS ngày 02 tháng 3 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Xuân T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu, tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo nhất trí hoàn trả anh Ngô Văn P số tiền 9.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 15 đến 18 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 26 tháng tù của Bản án số 17/2020/HSST ngày 21/01/2020 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hà Nội; buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung là từ 03 năm 05 tháng tù đến 03 năm 08 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/11/2019, được trừ thời gian tạm giữ của bản án 681/2019/HSPT ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội từ ngày 20/2/2019 đến ngày 28/2/2019. Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 579, Điều 580 của Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Xuân T phải hoàn trả anh Ngô Văn Phong số tiền 9.000.000 đồng.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ

phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát, xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức án nhẹ nhất để có cơ hội đoàn tụ cùng gia đình .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Giang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh:

[2.1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ 15 phút ngày 21/11/2019, tại Cửa hàng mua bán xe máy H của anh Hoàng Tiến M ở số 172, đường L, phường L, thành phố B, Nguyễn Xuân T đã có hành vi gian dối, chiếm đoạt của anh M 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave α , màu sơn cam, có biển kiểm soát 98B3-XXX, xe đã qua sử dụng trị giá 10.000.0000 đồng.

[2.2] Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo theo tội danh và Điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an xã hội. Bị cáo đã nhiều lần bị xét xử về hình sự nhưng không lấy đó làm bài học mà tiếp tục phạm tội chứng tỏ bị cáo là đối tượng coi thường pháp luật. Do vậy, cần xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự, áp dụng hình phạt tù giam có thời hạn để đảm bảo giáo dục bị cáo thành công dân biết tuân thủ pháp luật.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đều có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Bị cáo có một tiền án về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam N, tỉnh Ninh Bình, không có thu nhập hoặc tài sản riêng nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

[7] Đối với anh Nguyễn Tự K là lái xe taxi đưa T đến cửa hàng của anh M nhưng không biết mục đích chiếm đoạt tài sản của T nên anh K không vi phạm pháp luật. Anh K không yêu cầu gì về dân sự nên không xem xét, giải quyết.

[8] Đối với anh Ngô Văn P là người nhận mua chiếc xe 98B3-XXX do T đem bán nhưng anh P không biết là tài sản do phạm tội mà có nên không vi phạm pháp luật.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Anh Ngô Văn P yêu cầu bị cáo T hoàn trả 9.000.000 đồng – số tiền đã thanh toán cho bị cáo khi mua lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98B3-XXX; bị cáo nhất trí. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu trên của anh P theo Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 579, Điều 580 của Bộ luật Dân sự.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 48; Điều 56 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 579, Điều 580 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 01 năm 03 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 26 tháng tù tại Bản án số 17/2020/HSST ngày 21/01/2020 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Hà Nội, buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung là 03 năm 05 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/11/2019, được trừ thời gian tạm giữ của bản án 681/2019/HSPT ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội từ ngày 20/2/2019 đến ngày 28/2/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo T phải hoàn trả anh Ngô Văn P số tiền 9.000.000 đồng.

4. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng

mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

7. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP B;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương Giang